

Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo – Thực trạng và giải pháp hoàn thiện

Hoàng Thị Tú Oanh

Khoa Luật

Luận văn ThS ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; Mã số: 60 38 01

Người hướng dẫn: PGS.TS. Phạm Hồng Thái

Năm bảo vệ: 2007

Abstract: Nghiên cứu những vấn đề lý luận về giáo dục - đào tạo và lý luận quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo. Nêu kinh nghiệm của một số quốc gia có nền giáo dục - đào tạo tốt để có thể vận dụng vào thực tiễn giáo dục - đào tạo ở nước ta. Nghiên cứu các nội dung của quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo và làm sáng rõ thực trạng của giáo dục - đào tạo cũng như quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo ở nước ta hiện nay. Trên cơ sở nghiên cứu những nguyên tắc xây dựng nền giáo dục nước ta đã được Đảng và Nhà nước chỉ rõ trong giai đoạn từ 2001-2020, đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục-đào tạo của nước ta thời gian tới

Keywords: Giáo dục; Pháp luật; Quản lý nhà nước; Đào tạo

Content

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục – đào tạo có vai trò hết sức quan trọng cho sự phát triển kinh tế – xã hội ở mỗi một quốc gia. Lý luận cũng như thực tiễn ở nhiều nước phát triển đã chỉ rõ rằng: Phát triển một nguồn nhân lực chất lượng cao vừa là biện pháp hàng đầu để xây dựng và phát triển một đất nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đặc biệt, đối với những nước chậm phát triển, những nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu như Việt Nam.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ II Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII đã nêu: “Thực sự coi giáo dục - đào tạo cùng khoa học – công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, đầu tư cho giáo dục - đào tạo là đầu tư cho phát triển”.

Một mặt giáo dục - đào tạo là hoạt động mang tính xã hội rộng lớn - đặc biệt kể từ khi Đảng và Nhà nước ta chủ trương xã hội hóa giáo dục – có liên quan trực tiếp đến lợi ích, quyền lợi và nghĩa vụ của mọi người dân, mọi thành phần kinh tế – xã hội; Mặt khác, nó là yếu tố tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của mỗi quốc gia. Như vậy, giáo dục - đào tạo ở bất kỳ quốc gia nào cũng phải đi trước một bước, phải coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển. Một

khâu quan trọng trong việc quan tâm đến phát triển giáo dục là quản lý giáo dục mà trước hết phải là quản lý nhà nước về giáo dục. Bởi lẽ, chỉ có thông qua quản lý nhà nước về giáo dục mới thực hiện được các chủ trương, chính sách của quốc gia, mới xây dựng được quy hoạch chiến lược phát triển, mới thực hiện được các mục tiêu giáo dục.... Như vậy, quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo có thể coi là khâu then chốt để thực hiện thắng lợi mọi hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải thấy rằng: Để quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo có hiệu lực, hiệu quả phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, trình độ, tư duy và nhận thức của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý giáo dục, về sự tiến bộ của khoa học và công nghệ... Trong chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010 do Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê duyệt nhận định rằng: quản lý là một khâu yếu và là nguyên nhân của những yếu kém khác trong giáo dục nước ta. Để tìm ra các giải pháp đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo, tôi đã mạnh dạn chọn đề tài **“Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo – Thực trạng và giải pháp hoàn thiện” làm luận văn thạc sỹ của mình.**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được chia thành ba chương:

- Chương I. Một số vấn đề lí luận về giáo dục - đào tạo và quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo;
- Chương II. Quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo ở nước ta hiện nay;
- Chương III. Các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo.

CHƯƠNG 1. LÍ LUẬN VỀ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

1.1. Giáo dục - đào tạo và vai trò của giáo dục- đào tạo

1.1.1. Quan niệm về giáo dục và đào tạo

1.1.1.1. Quan niệm về giáo dục

Giáo dục là hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra.

Giáo dục là một quá trình đào tạo con người một cách có mục đích, nhằm chuẩn bị cho con người tham gia đời sống xã hội, tham gia lao động sản xuất, nó được thể hiện bằng cách tổ chức việc truyền thụ và lĩnh hội những kinh nghiệm lịch sử – xã hội của loài người.

Như vậy, giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc trưng của xã hội loài người. Giáo dục nảy sinh cùng với xã hội loài người, trở thành một chức năng sinh hoạt không thể thiếu được và không bao giờ mất đi ở mọi giai đoạn phát triển của xã hội.

1.1.1.2. Quan niệm về đào tạo

Đào tạo là quá trình tác động đến một con người nhằm làm cho người đó lĩnh hội và nắm vững những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, v.v. một cách có hệ thống nhằm chuẩn bị cho người đó thích nghi với cuộc sống và khả năng nhận một sự phân công lao động nhất định, góp phần của mình vào việc phát triển xã hội, duy trì và phát triển nền văn minh của loài người.

1.1.2. Vị trí, vai trò của giáo dục - đào tạo đối với sự phát triển của xã hội

Giáo dục - đào tạo có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, trong phần này, luận văn tập trung trình bày ba vấn đề cơ bản. *Một là*, giáo dục - đào tạo là động lực, là đòn bẩy mọi sự phát triển của xã hội, của đất nước; *Hai là*, giáo dục - đào tạo là thước đo sự phát triển của một đất nước; *Ba là*, giáo dục - đào tạo là yếu tố quan trọng đảm bảo cho sự thắng lợi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

1.1.3. Quan điểm, phương hướng, chính sách và mục tiêu của Đảng và Nhà nước về giáo dục - đào tạo

Trong nội dung này, luận văn tập trung làm sáng tỏ bốn vấn đề cơ bản như sau:

Thứ nhất, quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục - đào tạo.

Thứ hai, quan điểm, phương hướng, chính sách và mục tiêu của Đảng và Nhà nước về giáo dục - đào tạo.

Thứ ba, phương hướng và chính sách phát triển giáo dục - đào tạo của Đảng và Nhà nước đối với từng cấp học.

Thứ tư, mục tiêu phát triển giáo dục - đào tạo.

1.2. Quan niệm về quản lý nhà nước đối với giáo dục - đào tạo

1.2.1. Quản lý

Quản lý là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm chỉ huy, điều hành, hướng dẫn các quá trình xã hội và hành vi của cá nhân hướng đến mục đích hoạt động chung và phù hợp với quy luật khách quan

1.2.2. Quản lý nhà nước

Quản lý nhà nước là sự tác động tổ chức mang tính quyền lực - pháp lý của các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền, hoặc các tổ chức khi được nhà nước trao quyền tới ý thức, hành vi, xử sự của cá nhân, tổ chức, cơ quan, tới các quá trình xã hội hướng chúng vận động, phát triển nhằm đạt được mục tiêu nhất định của quản lý nhà nước và xã hội. Mục tiêu của quản lý nhà nước phải phù hợp với mục tiêu phát triển của xã hội. Đây chính là ý nghĩa, giá trị của quản lý nhà nước.

1.2.3. Quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo

Quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước, trên cơ sở pháp luật đối với các hoạt động giáo dục - đào tạo, do các cơ quan nhà nước từ trung ương đến cơ sở tiến hành để thực hiện chức năng, nhiệm vụ do nhà nước uỷ quyền nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, duy trì trật tự, kỉ cương, thoả mãn nhu

cầu giáo dục - đào tạo của nhân dân, thực hiện mục tiêu giáo dục và đào tạo của nhà nước đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

1.2.4. Quản lý nhà trường

Quản lý nhà trường là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý (các cấp quản lý của hệ thống giáo dục) nhằm làm cho nhà trường vận hành theo nguyên tắc giáo dục để đạt tới mục tiêu giáo dục đặt ra trong từng thời kỳ phát triển của đất nước.

1.3. Hệ thống các cơ quan quản lý và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo

1.3.1. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo

Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước bao gồm có: Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan, và ủy ban nhân dân các cấp. Trong đó, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục; Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục; Bộ, cơ quan ngang Bộ phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục theo thẩm quyền và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo theo phân cấp được giao.

1.3.2. Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo

Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục đã được cụ thể hóa tại Điều 99 Luật Giáo dục được ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005 bao gồm 11 nội dung chính.

1.3.3. Phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo

Phân cấp quản lý giáo dục là “quá trình thiết kế lại hệ thống và các quy trình trách nhiệm, quyền hạn và tính tự chịu trách nhiệm trong hệ thống giáo dục. Việc thiết kế lại hệ thống và quy trình này có nghĩa là: xác định lại và phân công lại các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng cấp (trung ương, tỉnh, huyện, trường) cũng như quy trình quan hệ trong công việc giữa các cấp khác nhau, giữa các cơ quan có liên quan thuộc khu vực nhà nước và phi nhà nước”.

Phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo được quy định cụ thể tại: Hiến pháp 1992; Luật tổ chức Chính phủ năm 2001; Luật Giáo dục năm 2005; Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Nghị định số 166/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; Thông tư liên tịch số 21/2004/TTLT-BGD&DDT-BNV ngày 23 tháng 7 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp UBND quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở địa phương.

Trên cơ sở các văn bản nêu trên, phân cấp về quản lý trong giáo dục và đào tạo được thể hiện ở nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, đó là: Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các cấp.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Trước khi tìm hiểu thực trạng quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, luận văn xin trình bày một số kinh nghiệm trong quản lý và đổi mới giáo dục ở các nước để có thể đối chiếu, so sánh với nước ta nhằm tìm ra những hạt nhân hợp lý có thể vận dụng vào thực tiễn nước ta.

2.1. Kinh nghiệm của một số nước trong quản lý và cải cách giáo dục – đào tạo

2.1.1. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về giáo dục của Liên Bang Nga.

Thông qua việc trình bày một số cải cách, đổi mới và những thành tựu về giáo dục của Liên Bang Nga. Luận văn đã khái quát được một số kinh nghiệm vô cùng quý giá mà Việt Nam chúng ta có thể học tập trong quá trình đổi mới nền giáo dục nước nhà. Điều quan trọng là trong quá trình đổi mới nền giáo dục phải kế thừa và phát huy truyền thống của hệ thống giáo dục trước đó. Đồng thời phải khắc phục, sửa đổi những khiếm khuyết của nền giáo dục cũ, tiếp nhận các xu thế của giáo dục quốc tế hiện nay. Nhất là, phải thực hiện dân chủ hoá trong giáo dục - đào tạo; đẩy mạnh việc phân cấp quản lý hành chính trong nền giáo dục của nước mình.

2.1.2. Kinh nghiệm cải cách giáo dục ở nước Cộng Hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)

Trên cơ sở nghiên cứu những diễn biến cụ thể của quá trình cải cách và phát triển có thể rút ra một số bài học chủ yếu của nền giáo dục Trung Quốc thời kỳ 1978 – 2003. Đó là, các chính sách về giáo dục ở Trung Quốc đã kết hợp giữa phát triển với ổn định, giữa cải cách với điều chỉnh cơ cấu, giữa cải cách thành thị với cải cách nông thôn; phải chú trọng mối quan hệ giữa hiệu suất và công bằng trong giáo dục; giáo dục phải hướng về hiện đại hoá, hướng ra thế giới và hướng tới tương lai. Bài học lớn nhất là muốn cải cách không còn con đường nào khác ngoài con đường học hỏi, kế thừa tiến bộ khoa học công nghệ của Phương Tây (chủ yếu là Mỹ).

2.1.3. Kinh nghiệm phát triển giáo dục của Hàn Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI

Trong khoảng bốn thập niên trở lại đây, giáo dục Hàn Quốc phát triển mạnh và là lực lượng hàng đầu của sự phát triển quốc gia. Để chuẩn bị cho thế kỷ XXI, Hàn Quốc đã xác lập các mục tiêu cho giáo dục là: nhân đạo, sự trong sạch, công nghệ thông tin, phúc lợi con người và tinh thần cởi mở. Giáo dục giúp cho mỗi trẻ em trở thành một con người tự lập với tinh thần độc lập, một con người sáng tạo độc đáo và một con người đạo đức và tinh thần dân chủ. Những mục tiêu và định hướng ấy được thể hiện thông qua các đặc trưng của giáo dục Hàn Quốc đã được trình bày trong luận văn.

2.1.4. Kinh nghiệm đổi mới giáo dục ở SINGAPORE

Trong các cuộc cải cách giáo dục của Singapore, điều đáng ghi nhận nhất là sự tiến hành đồng bộ, toàn diện, trên mọi lĩnh vực của hệ thống từ nhà trẻ đến trường cao đẳng và đại học.

Những cải cách về giáo dục của Singapore đã mở ra cơ hội và phương thức để đáp ứng những thách thức và đe dọa trong tiến trình toàn cầu hoá. Mục tiêu của cải cách về giáo dục đã giúp đất nước này vượt qua thách thức về kinh tế, trở thành một nước phát triển với thu nhập bình quân của người dân rất cao. Bài học lớn nhất rút ra từ cải cách giáo dục của Singapore là:

mỗi nước phải tự xây dựng mô hình giáo dục của riêng nước đó. Còn đối với Singapore, đó là sự kết hợp điểm mạnh của cả mô hình giáo dục phương Đông và phương Tây.

2.1.5. Kinh nghiệm phát triển giáo dục Hoa Kỳ (Mỹ)

Bằng việc nghiên cứu một số nét đặc trưng của nền giáo dục Hoa kỳ, luận văn đã rút ra được bài học kinh nghiệm lớn nhất đó là: Hoa kỳ đã chọn thời điểm thích hợp để mở rộng quy mô phát triển giáo dục đại học. Chỉ khi đã phổ cập giáo dục cơ bản, phát triển giáo dục trung học và dạy nghề, nước Mỹ mới mở rộng quy mô đại học một cách mạnh mẽ. Bên cạnh đó, tính nhân văn sâu sắc và sự bình đẳng trong nền giáo dục Hoa kỳ là một trong những thành tựu mà chúng ta có thể học hỏi.

2.2. Thực trạng giáo dục – đào tạo và quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo ở nước ta hiện nay

2.2.1. Những thành tựu của giáo dục - đào tạo ở nước ta trong thời gian qua

Trong phần này, luận văn tập trung đi sâu vào một số vấn đề như: Hệ thống giáo dục – đào tạo; Quy mô giáo dục – đào tạo; Chất lượng giáo dục - đào tạo; Công bằng xã hội trong giáo dục - đào tạo và công tác xã hội hoá giáo dục - đào tạo.

2.2.1.1. Hệ thống giáo dục – đào tạo

Hiện nay, hệ thống giáo dục Việt Nam đang được mở rộng, tương đối hoàn chỉnh, thống nhất và đa dạng hoá với việc hình thành đầy đủ các cấp học và trình độ đào tạo từ mầm non đến sau đại học, bao gồm: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục nghề nghiệp; Giáo dục đại học. Từ một hệ thống giáo dục chỉ có các trường công lập và chủ yếu là loại hình chính quy, đến nay đã có các trường ngoài công lập, có nhiều loại hình không chính quy, có các trường tư thục, dân lập, có phương thức đào tạo từ xa, phương thức liên kết đào tạo với nước ngoài... Đó là một trong những thành tựu lớn nhất mà nền giáo dục nước ta đã đạt được.

2.2.1.2. Quy mô giáo dục - đào tạo

Quy mô giáo dục tăng nhanh ở các vùng, các ngành học và các cấp học. Quy mô phát triển giáo dục trước hết thể hiện ở số lượng người học. Cùng với số lượng người học, quy mô giáo dục còn được đánh giá qua mạng lưới trường học theo địa bàn dân cư, số lượng nhà giáo, trang thiết bị dạy học.

Nhìn chung, số học sinh trong toàn bộ hệ thống giáo dục không ngừng được tăng lên, số học sinh trong các trường ngoài công lập tăng nhanh: Số trẻ em tăng bình quân 7%/năm; mẫu giáo tăng bình quân 5,2%/năm. Riêng ở cấp trung học phổ thông, quy mô học sinh ngoài công lập năm học 2000 – 2001 tăng 2,91 lần so với năm học 1995 – 1996.

2.2.1.3. Chất lượng giáo dục

Chất lượng giáo dục có chuyển biến trên một số mặt. Trình độ hiểu biết, năng lực tiếp cận tri thức mới của một bộ phận học sinh, sinh viên được nâng cao; giáo dục trung học phổ thông chuyên đạt trình độ cao của khu vực và thế giới, số học sinh phổ thông đạt giải quốc gia và quốc

tế ở một số môn học ngày càng tăng. Số đông sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng có hoài bão lập thân, lập nghiệp và có tinh thần tự lập, năng động;

Chất lượng đào tạo của một số ngành khoa học cơ bản và khoa học công nghệ đã được nâng cao một bước. Giáo dục đại học đã từng bước vươn lên, đào tạo được một đội ngũ đông đảo cán bộ khoa học kỹ thuật từ cử nhân, thạc sỹ cho đến tiến sỹ, đã và đang công tác và có những cống hiến quan trọng trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

2.2.1.4. Công bằng xã hội trong giáo dục

Trong nhiều năm qua, công bằng xã hội trong giáo dục được quan tâm thực hiện, các trường đại học, cao đẳng và các địa phương đã có nhiều biện pháp giúp đỡ, tạo điều kiện học tập cho con em gia đình thuộc diện chính sách, con em đồng bào dân tộc và học sinh nghèo vượt khó.

Nhìn chung, công bằng xã hội trong giáo dục về cơ bản được đảm bảo, giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số có những chuyển biến tích cực. Cả nước đã hoàn thành công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và đang thực hiện phổ cập trung học cơ sở. Gần 94 % dân cư từ 15 tuổi trở lên biết chữ; số năm đi học trung bình đạt 7,3. Về cơ bản, nước ta đã đạt được sự bình đẳng nam nữ trong giáo dục.

2.2.1.5. Công tác xã hội hoá giáo dục - đào tạo

Hưởng ứng chủ trương xã hội hoá giáo dục, ở hầu hết các địa phương đều đã có phong trào xây dựng quỹ khuyến học, đóng góp công sức tiền của để phát triển giáo dục. Trong những năm gần đây, phần kinh phí do nhân dân đầu tư, trang trải cho các hoạt động giáo dục ước tính khoảng trên dưới 40%. Các nguồn lực thông qua con đường xã hội hóa, cùng với nguồn lực của Nhà nước, tạo nên sức mạnh tổng hợp thúc đẩy sự nghiệp giáo dục - đào tạo, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nhu cầu học tập của các tầng lớp nhân dân.

2.2.2. Nhược điểm

Trong mục này, luận văn nêu lên hai vấn đề cơ bản, đó là: Những tồn tại, yếu kém chung của nền giáo dục và những tồn tại, yếu kém trong quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo.

2.2.2.1. Những tồn tại, yếu kém chung của nền giáo dục

Theo đánh giá của Ban Bí thư Trung Ương Đảng thì quy mô giáo dục có sự tăng trưởng mạnh; cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân từng bước được cải thiện; chất lượng giáo dục có một số chuyển biến tích cực; chủ trương xã hội hoá giáo dục bước đầu được triển khai có hiệu quả.

Tuy nhiên nhìn tổng thể về cả quy mô và chất lượng đào tạo, giáo dục nước ta chưa đáp ứng kịp những đòi hỏi lớn và ngày càng cao về nhân lực của các mục tiêu kinh tế – xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, tiến tới xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Điều này được thể hiện trên các mặt:

a. Chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo

Chất lượng và hiệu quả giáo dục còn thấp so với yêu cầu phát triển đất nước, chưa tiếp cận được với trình độ và kết quả giáo dục ở các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới. Chất lượng thấp thể hiện ở chỗ: Kiến thức hội nhập của học sinh, sinh viên Việt Nam quá kém;

Sau khi tốt nghiệp ra trường họ còn hạn chế về năng lực, tư duy sáng tạo, về kỹ năng thực hành, về khả năng thích ứng nghề nghiệp. Bên cạnh đó kiến thức phổ thông đại trà rất thấp... Hiệu quả hoạt động giáo dục chưa cao. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp cuối cấp so với nhập học đầu cấp còn thấp. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn hạn chế, nhiều học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường chưa có việc làm...

b. Về cơ cấu giáo dục – đào tạo

Cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền đã được khắc phục một bước song vẫn còn mất cân đối; Cơ cấu vùng miền còn nhiều sự bất hợp lý. Nhất là giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp, tập trung quá nhiều vào các thành phố lớn, khu công nghiệp lớn, nhiều tỉnh không có một trường đại học nếu có chỉ là một vài trường cao đẳng sư phạm để đào tạo giáo viên phổ thông cho địa phương đó mà thôi; Hình thức đào tạo cũng tỏ ra nhiều bất cập. Giáo dục nước ta chưa chú trọng nhiều đến hình thức giáo dục không chính quy, giáo dục bên ngoài nhà trường, đặc biệt cho những người đang lao động.

c. Đội ngũ nhà giáo

Nhìn chung đội ngũ nhà giáo thiếu về số lượng và thấp về chất lượng, chưa đáp ứng được yêu cầu vừa phải tăng nhanh quy mô vừa phải đảm bảo và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục - đào tạo. Đặc biệt là đội ngũ giảng viên các trường đại học ít có điều kiện thường xuyên tiếp cận, cập nhật tri thức và những thành tựu khoa học công nghệ mới của thế giới. Tỷ lệ giáo viên quá thấp (1/50, thậm chí 1/150) đã gây ra tình trạng cường độ làm việc căng thẳng cho giáo viên. Tốc độ tăng giáo viên ở các trường đại học không tương xứng với tốc độ tăng của sinh viên (năm học 1996 – 1997 có 731.505 sinh viên và 24.362 giáo viên, năm học 2000 – 2001 là 918.228 sinh viên và 32.205 giáo viên, đến năm 2003 – 2004 có 1.131.030 sinh viên và 39.985 giáo viên).

d. Ngân sách giáo dục và đào tạo

Ngân sách dành cho giáo dục của Việt Nam còn rất thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Mặc dù đã cố gắng nhiều, song ngân sách nhà nước chỉ mới đáp ứng được khoảng 70% nhu cầu tối thiểu của giáo dục - đào tạo. Bên cạnh đó, việc phân bổ ngân sách giữa các bậc học, giữa các địa phương không hợp lý đã tạo nên sự mất cân đối trong phát triển giáo dục ở các bậc học và các vùng.

e. Cơ sở vật chất kỹ thuật

Cơ sở vật chất, kỹ thuật vẫn chưa thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu. Nhiều nơi, chưa thanh toán hết tình trạng lớp học ba ca. Tình trạng dạy chay còn phổ biến. Việc nối mạng Internet trong các trường học còn chưa đáng kể. Yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật vẫn đang là một thách thức lớn.

f. Chương trình, phương pháp giáo dục

Chương trình, giáo trình, phương pháp giáo dục chậm đổi mới, chậm hiện đại hoá. Chương trình giáo dục còn mang nặng tính hàn lâm, kinh viện, nặng về thi cử; chưa chú trọng đến tính sáng tạo, năng lực thực hành và hướng nghiệp; chưa gắn bó chặt chẽ với nhu cầu của

thực tiễn phát triển kinh tế – xã hội cũng như nhu cầu của người học; chưa gắn bó hiệu quả với nghiên cứu khoa học – công nghệ và triển khai ứng dụng.

2.2.2.2. Những tồn tại, yếu kém trong quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo

Thứ nhất, về tư duy quản lý giáo dục – đào tạo: Chậm được đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu phát triển của đất nước trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, nên chưa có quyết sách kịp thời cho một số vấn đề mới liên quan đến giáo dục do thực tiễn cuộc sống đặt ra.

Thứ hai, việc phân cấp quản lý giáo dục có nhiều chồng chéo, đặc biệt là mơ hồ trong cơ chế phối hợp giữa các ngành giáo dục và đào tạo với các ngành chức năng.

Thứ ba, quản lý về tài chính: Thiếu một công thức phân bổ chuẩn mực và rõ ràng cho giáo dục - đào tạo; Chưa bảo đảm sự công bằng trong phân bổ ngân sách chi thường xuyên của giáo dục - đào tạo.

Thứ tư, bộ máy quản lý ngành giáo dục – đào tạo luôn tự bằng lòng với những thành tích không thực tế, với những chính sách, quy chế lỗi thời mà không thấy rõ sự tụt hậu của giáo dục - đào tạo Việt Nam. Bộ máy quản lý giáo dục còn nặng nề, kém hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Thứ năm, công cụ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo đó là pháp luật. Tuy nhiên việc ban hành cũng như thực thi nó còn nhiều hạn chế. Tư duy pháp lý đã được đổi mới ở mức độ nhất định song còn mang nặng quan điểm pháp lý đơn thuần, chưa chú ý đến sự vận động khách quan của hoạt động giáo dục và những điều kiện thực tế đảm bảo thực hiện pháp luật trong đời sống. Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đặc biệt là đối với một số loại hình đào tạo mới như đào tạo sau đại học, đào tạo từ xa, đào tạo ngoài công lập..., văn bản pháp luật còn tản mạn, thiếu tính hệ thống và đồng bộ. Phần lớn các lĩnh vực trong hệ thống giáo dục quốc dân được điều chỉnh bằng các văn bản dưới luật của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của các cơ quan quản lý hành chính.

Thứ sáu, quản lý nhà nước về chất lượng giáo dục chưa được coi trọng, còn buông lỏng quản lý. Chất lượng đào tạo của ngành giáo dục là một trong những vấn đề nổi cộm nhất hiện nay được dư luận quan tâm và các phương tiện truyền thông quan tâm.

Thứ bảy, công tác quy hoạch, kế hoạch giáo dục và đào tạo còn mang nặng tính hình thức, chất lượng không cao.

2.2.3. Nguyên nhân của những yếu kém, bất cập của giáo dục - đào tạo và quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo

2.2.3.1. Nguyên nhân mang yếu tố chủ quan

Bao gồm các yếu tố như: Trình độ quản lý giáo dục chưa theo kịp với thực tiễn và nhu cầu phát triển khi nền kinh tế đang chuyển từ kế hoạch hóa tập trung sang thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; cơ chế quản lý của ngành giáo dục - đào tạo chưa hợp lý; Nội dung, phương pháp giáo dục còn nhiều bất cập.

2.2.3.2. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, trong những năm qua, giáo dục - đào tạo nước ta chịu một sức ép rất lớn về nhu cầu học tập ngày càng tăng do dân số và trình độ dân trí tăng, song lao động dư thừa nhiều, khả năng sử dụng lao động của nền kinh tế còn hạn chế, khả năng đầu tư cho giáo dục còn hạn hẹp.

Thứ hai, những chậm trễ trong việc cải cách hành chính nhà nước, trong việc đổi mới quản lý kinh tế, tài chính, sử dụng lao động, chính sách tiền lương... là những yếu tố cản việc giải quyết có hiệu quả những vướng mắc của ngành giáo dục trong việc huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội vì sự nghiệp phát triển giáo dục.

2.3. Những vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo

Thứ nhất, quản lý nhà nước đối với giáo dục nước ta đặt trong hoàn cảnh vừa phải chấp nhận sự chưa hoàn thiện của thị trường, vừa phải chịu áp lực của tư duy kế hoạch, chỉ huy quan liêu còn nặng nề.

Thứ hai, sức ép trong quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo đối với đầu vào và đầu ra của giáo dục phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp.

Thứ ba, quản lý nhà nước đối với giáo dục của nước ta diễn ra trong xu thế quy mô hoá giáo dục đào tạo ở tất cả các loại hình đào tạo, ngành học ngày càng tăng nhưng bộ máy điều hành còn nhiều bất cập và bị phân tán.

Thứ tư, quản lý nhà nước đối với giáo dục ở nước ta diễn ra trong trạng thái: Cơ sở nhà trường muốn được tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm song cấp quản lý “trên” ở một số nơi không muốn giảm quyền cho cấp “dưới”.

Thứ năm, quản lý nhà nước đối với giáo dục - đào tạo của nước ta diễn ra trong trạng thái chênh lệch khá lớn về phát triển kinh tế – giáo dục của các vùng đất nước.

Thứ sáu, quản lý nhà nước đối với giáo dục - đào tạo ở Việt Nam đặt trong tình thế dù có đều đặn được tăng lên song ngân sách cho giáo dục vẫn còn quá ít ỏi so với nhu cầu tổ chức quá trình giáo dục ở mức bình thường.

Thứ bảy, quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo ở nước ta hiện nay đặt trong xu thế yêu cầu của nền kinh tế tri thức với xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi phải có một nguồn nhân lực chất lượng cao trong khi chất lượng nguồn nhân lực của nước ta rất thấp.

Thứ tám, trong quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo, chúng ta vẫn còn vướng phải những bất cập giữa chủ trương chung và cơ chế để thực thi cụ thể chủ trương đó.

Thứ chín, trong quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo còn phải chịu sức ép giữa cung và cầu.

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO

Trong chương này, ngoài việc tập trung đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo, luận văn nghiên cứu thêm những căn cứ để đề xuất các giải pháp và nguyên tắc để xây dựng các giải pháp ấy.

3.1. Những căn cứ để đề xuất các giải pháp

Bao gồm ba căn cứ chính. *Một là*, căn cứ lý luận: Xuất phát từ vai trò to lớn của giáo dục – đào tạo đối với sự phát triển của đất nước và quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp ấy. *Hai là*, những căn cứ pháp lý: Dựa vào hệ thống văn bản luật do Nhà nước ban hành và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Trong đó luận văn đã kể tên ra một số văn bản cần quan tâm. *Ba là*, những căn cứ thực tiễn, đó là thực trạng giáo dục - đào tạo và quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở nước ta đã được trình bày ở chương 2.

3.2. Những nguyên tắc để xây dựng các giải pháp (tư tưởng chỉ đạo phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa)

Khi đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo, cần phải tuân thủ những nguyên tắc sau: Giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu; xây dựng nền giáo dục có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển giáo dục - đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, tiến bộ khoa học – công nghệ, củng cố quốc phòng, an ninh; Giáo dục là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân; Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục – đào tạo; giữ vững vai trò nòng cốt của nhà trường công lập đi đôi với việc đa dạng hóa các loại hình giáo dục – đào tạo; Phát triển giáo dục toàn diện; Xây dựng nền giáo dục theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa”; coi trọng hướng nghiệp, dạy nghề, tập trung vào mục tiêu nhân lực; kiên trì thực hiện mục tiêu giáo dục.

3.3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo

3.3.1. Hoàn thiện thể chế pháp luật

Để hoàn thiện thể chế pháp luật, một là, cần phải khẩn trương hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục - đào tạo; khắc phục các quy định pháp luật lỗi thời, mâu thuẫn và những lỗ hổng của pháp luật; làm cho nội dung của pháp luật phù hợp với những yêu cầu của đời sống xã hội.

Hai là, sửa đổi, bổ sung một số quy định của pháp luật về giáo dục - đào tạo.

Ba là, hoàn thiện pháp luật trong một số lĩnh vực của giáo dục - đào tạo như: chế độ học phí; các quy định về tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở đào tạo; xây dựng và hoàn thiện một số chính sách, chế độ đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

Bốn là, nâng cao trình độ trong hoạt động lập pháp, lập quy, trình độ pháp lý, chất lượng luật pháp, tính khả thi của pháp luật về giáo dục – đào tạo.

3.3.2. Các giải pháp mang tính tổ chức

Thứ nhất, hoàn thiện tổ chức của các cơ quan quản lý đối với giáo dục nghề nghiệp. Chúng tôi đề xuất sáp nhập Vụ trung học chuyên nghiệp (trước khi có Luật Giáo dục năm 2005) và hiện nay phải là Vụ trung cấp chuyên nghiệp với Tổng cục Dạy nghề thành Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Và Tổng cục giáo dục nghề nghiệp sẽ trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo với lý do nó là một bộ phận của hệ thống giáo dục quốc dân và sẽ thuận lợi hơn trong việc thực hiện

liên thông các cấp bậc trình độ đào tạo cũng như phân luồng hệ thống giáo dục. Đồng thời nhằm thu gọn các đầu mối quản lý nhà nước phục vụ công cuộc cải cách hành chính nhà nước.

Thứ hai, giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các trường đại học và các cơ sở giáo dục.

Thứ ba, cần xóa bỏ cơ chế Bộ chủ quản đối với các trường học.

3.3.3. Hoàn thiện cơ chế phân cấp cho các trường đại học và các cơ sở giáo dục

Những việc cần làm ngay trong nội dung này là phải thay đổi tư duy cũ, xóa bỏ cơ chế xin cho theo kiểu áp đặt mà từ trước đến nay vẫn làm. Đồng thời nhà nước cần phải hoàn thiện các quy định về phân cấp giáo dục - đào tạo và nâng cao nhận thức về tính pháp chế của pháp luật trong giáo dục - đào tạo của các chủ thể quản lý cũng như các đối tượng bị quản lý.

3.3.4. Giải pháp nhằm nâng cao quản lý nhà nước đối với chất lượng giáo dục - đào tạo

Để nâng cao chất lượng giáo dục nói chung, chất lượng giáo dục đại học nói riêng, chúng ta cần có rất nhiều giải pháp đồng bộ chẳng hạn như: Ở cấp độ vĩ mô, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần nghiên cứu và mạnh dạn “cải tổ” cơ chế quản lý giáo dục theo hướng phân cấp triệt để hơn để các cơ sở giáo dục, các trường đại học, các viện và các trung tâm nghiên cứu phát huy đầy đủ quyền tự chủ của họ. Có thể coi đây là giải pháp “đòn bẩy” cho phép làm chuyển động toàn bộ hệ thống giáo dục nước ta; Qui hoạch lại hệ thống các đại học, các trường đại học, một cách hợp lý và đầu tư ngân sách cho giáo dục đại học tập trung hơn, hiệu quả hơn. Đặc biệt, đối với hệ thống các trường đã được Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định là trọng điểm thì cần sớm tập trung đầu tư xây dựng sao cho ngang tầm với các đại học tương ứng trong khu vực và trên thế giới; nhanh chóng nghiên cứu để xây dựng chương trình quản lý chất lượng giáo dục đại học theo chuẩn mực quốc tế.

KẾT LUẬN

Có thể nói rằng: Giáo dục - đào tạo nói chung, quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo nói riêng là một trong những vấn đề bức xúc nhất, được Đảng, Nhà nước và nhân dân quan tâm, lo lắng hơn cả. Bởi lẽ, đối với đất nước ta, cùng với khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo được xem là quốc sách hàng đầu. Trong khi đó, nhìn vào thực tế hiện nay, nền giáo dục nước ta còn thấp kém, lạc hậu và có sự chênh lệch khá lớn so với giáo dục của các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới. Giáo dục - đào tạo ở nước ta hiện nay chưa theo kịp, chưa đáp ứng được những đòi hỏi của các lĩnh vực kinh tế – xã hội, nhất là trong giai đoạn đất nước đang tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Bên cạnh những thành tựu mà nền giáo dục nước ta đã đạt được trong những năm gần đây như: Có một hệ thống giáo dục tương đối hoàn chỉnh, thống nhất, hình thành đầy đủ các cấp học và bậc học; Quy mô giáo dục tăng nhanh ở các vùng, ngành học và các cấp học; chất lượng giáo dục - đào tạo, công bằng xã hội trong giáo dục cũng đã được cải thiện một cách đáng kể; công tác xã hội hóa giáo dục - đào tạo đã và đang phát huy tác dụng góp phần làm cho sự nghiệp

giáo thực sự trở thành sự nghiệp của toàn dân. Thì hiện nay, chúng ta đang phải đối mặt với những bất cập, mâu thuẫn mà không phải một sớm một chiều có thể giải quyết được.

Điều này được thể hiện trên các bình diện khác nhau từ nền giáo dục nói chung cho đến quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo nói riêng. Đó là, mâu thuẫn giữa việc tăng quy mô giáo dục với chất lượng và hiệu quả đào tạo; bất cập về số lượng và chất lượng học sinh, sinh viên được đào tạo ở các bậc, các hệ, các loại hình đào tạo; bất cập về cơ cấu giáo dục – đào tạo ở các vùng, miền; bất cập giữa trình độ dân trí và nhu cầu đòi hỏi của nguồn nhân lực tham gia và quá trình sản xuất xã hội phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Một vấn đề đáng lưu tâm nhất là những tồn tại và yếu kém trong quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo. Nhất là tư duy quản lý giáo dục. Mặc dù nền kinh tế nước ta đang xây dựng là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa song tư duy quản lý nhà nước nói chung, quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo nói riêng vẫn chưa thoát khỏi lối thói quản lý theo kiểu tập trung, quan liêu bao cấp của cơ chế cũ. Nền tư duy pháp lý cũng chậm được đổi mới, thiếu chú trọng đến sự vận động khách quan của các hoạt động giáo dục – đào tạo. Vì vậy, dẫn đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong giáo dục và đào tạo còn mang tính cứng nhắc với những quan điểm pháp lý đơn thuần. Điều này đã ảnh hưởng đến hàng loạt các hoạt động khác trong quản lý giáo dục – đào tạo. Nhìn chung, công tác quản lý giáo dục – đào tạo còn kém hiệu quả.

Nguyên nhân của những yếu kém, bất cập ấy thì nhiều. Ngoài những lý do khách quan, yếu tố chủ quan là vấn đề quan trọng nhất làm cho công tác này hiệu quả thấp. Đó là trình độ quản lý giáo dục - đào tạo chưa theo kịp với thực tiễn và nhu cầu phát triển khi nền kinh tế chuyển từ kế hoạch hóa tập trung sang thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Cơ chế quản lý của ngành giáo dục và đào tạo chưa hợp lý, có tình trạng vừa ôm đồm sự vụ, vừa buông lỏng chức năng quản lý nhà nước; nội dung đào tạo vừa thừa vừa thiếu, nhiều phần chưa gắn bó với cuộc sống; phương pháp giáo dục – đào tạo chậm được đổi mới, chưa phát huy được tính chủ động, sáng tạo của người học.

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo cần phải đưa ra một số giải pháp cụ thể. Một là, cần phải hoàn thiện thể chế pháp luật về giáo dục - đào tạo nói chung và hoàn thiện pháp luật trong một số lĩnh vực của giáo dục đào tạo nói riêng như chế độ học phí; quy định về tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở đào tạo; chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục... ; Hai là, phải hoàn thiện tổ chức của một số cơ quan, đơn vị thực hiện hoạt động giáo dục và đào tạo; Ba là hoàn thiện cơ chế phân cấp cho các trường đại học và các cơ sở giáo dục; Cuối cùng, cần nâng cao quản lý nhà nước đối với chất lượng giáo dục - đào tạo. Bởi vì đây là vấn đề bức xúc nhất được dư luận và nhân dân quan tâm. Nó có thể làm cho nền giáo dục nước nhà tụt hậu đáng kể so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

References

1. Nguyễn Như ất (2002), “Liên Bang Nga hiện đại hoá giáo dục”, *Báo Giáo dục và Thời đại chủ nhật*, (số 48 và 49 lần lượt ra ngày 1.12.2002, ngày 8.12.2002).
2. Nguyễn Như ất (2005), “tìm hiểu kinh nghiệm quản lý nhà nước về giáo dục của Liên Bang Nga”, *Quản lý Nhà nước về Giáo dục – Lý luận và thực tiễn*, tr 359-361.
3. Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (1992), *Nghị quyết lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tr. 8.
4. Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII (1996), *Nghị quyết lần thứ II*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 3, 31-32.
5. Đặng Quốc Bảo (2001), *kinh tế học giáo dục: Một số vấn đề lý luận và những ứng dụng vào việc xây dựng chiến lược giáo dục*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 9,25,28,62.
6. Đặng Quốc Bảo (2003), *phát triển nhà trường: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 21.
7. Đặng Quốc Bảo (2004), *giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai: Vấn đề và giải pháp*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 237-238.
8. Đặng Quốc Bảo trả lời phỏng vấn phóng viên Vietnamnet (2007), “Về quản lý giáo dục”, <http://www2.Vietnamnet.vn> ngày 21/7/2007.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo – Vụ Đào tạo bồi dưỡng (1989), *tài liệu bồi dưỡng hiệu trưởng mẫu giáo*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 4.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo – Trung tâm thông tin quản lý (2001), *Giáo dục Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002), *Ngành Giáo dục – Đào tạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII và Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, tr. 34.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tài liệu nhiệm vụ năm học 2005 – 2006*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, tr. 8-9.
13. Nguyễn Quốc Chí và Nguyễn Thị Mỹ Lộc (1998), *Đại Cương về quản lý*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, tr. 11, 13.
14. Nghị định số 02/2001/NĐ-CP ngày 09/01/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Bộ luật Lao động; Luật Giáo dục về dạy nghề và Nghị định số 166/2004/NĐ-CP ngày 16/9/2004 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.
15. Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính Phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

16. Jacques Delors (2002), *học tập, một của cải nội sinh*, do Nguyễn Đức Thắng dịch, Vũ Văn Tảo hiệu đính, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, tr. 42, 44.
17. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (1987), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.
18. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII (1991), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tr. 82, 87.
19. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII (1996), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 31.
20. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 108-109.
21. Phạm Văn Đồng (1999), *Về vấn đề Giáo dục - Đào tạo*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 10-11, 13.
22. Giáo sư, S.GOPINATHAN thuộc trung tâm nghiên cứu chương trình và thực hành Viện Giáo dục Quốc gia, Đại học Bách khoa Nanyang (2004), *Diễn đàn quốc tế về giáo dục Việt Nam: Đổi mới giáo dục đại học và hội nhập quốc tế*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, tr. 59,63.
23. Phạm Minh Hạc (2003), *về giáo dục*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 85.
24. Vũ Ngọc Hải (2005), “Đào tạo trình độ sau đại học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học: nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, tr. 10.
25. Học viện Chính trị Quốc gia (1998), *Giáo trình quản lý hành chính nhà nước*, tập II, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
26. Học viện Hành chính Quốc gia (2006), *Tài liệu bồi dưỡng về quản lý hành chính nhà nước chương trình chuyên viên phần II: Hành chính nhà nước và công nghệ hành chính*, Hà Nội, tr. 7.
27. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam (2002), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, quyển 2, Nhà xuất bản Từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội, tr. 120.
28. Nguyễn Đăng Hưng (2007), “Cải cách giáo dục”,
<http://www.nguoivienxu.vietnamnet.vn> ngày 24/6/2007.
29. [Http://irv.moi.gov.vn/new/printView.aspx?ID=16425](http://irv.moi.gov.vn/new/printView.aspx?ID=16425) ngày 21/11/2006.
30. [Http://www.moet.gov.vn/?page](http://www.moet.gov.vn/?page) = 8,0.
31. [Http://www.tuoiitre.com.vn/Tianyon/PrintView.aspx?ArticleID=171693&ChannelID=2](http://www.tuoiitre.com.vn/Tianyon/PrintView.aspx?ArticleID=171693&ChannelID=2) ngày 11/9/2006.

32. [Http://www2.vietnamnet.vn/service/printversion.vnn?article_id=594734](http://www2.vietnamnet.vn/service/printversion.vnn?article_id=594734).
33. [Http://www2.vietnamnet.vn/service/printversion.vnn?article_id=235421](http://www2.vietnamnet.vn/service/printversion.vnn?article_id=235421) ngày 21/7/2007.
34. [Http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/doc/_ej0905_viii.html](http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/doc/_ej0905_viii.html), 25.8.2007.
35. [Http://www.unicef.org/vietnam/vi/c](http://www.unicef.org/vietnam/vi/c) ngày 26/8/2007.
36. Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (1998), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nhà xuất bản đại học Quốc gia, Hà Nội, tr. 350.
37. Đặng Bá Lãm (chủ biên) (2005), *Quản lý nhà nước về giáo dục: lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 267, 287, 288, 290, 400.
38. Liên hiệp các trường đại học Việt Nam (2002), *Kỷ yếu hội thảo công tác quản lý đào tạo*, tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 5-6/4/2002.
39. Lê Chi Mai (chủ biên) (2002), *Chuyển giao dịch vụ công cho các cơ sở ngoài nhà nước: vấn đề và giải pháp*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội, tr. 90.
40. Hồ Chí Minh (1990), *Về vấn đề giáo dục*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, tr.6, 8.
41. Nguyễn Ngọc Quang (1989), *Những khái niệm cơ bản về lý luận quản lý giáo dục*, Trường cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo trung ương 1, Hà Nội.
42. Hiến Pháp Việt Nam năm 1992 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ Nghĩa Việt Nam tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa VIII thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2001.
43. Vũ Văn Tảo, Nguyễn Hữu Quỳnh, Nguyễn Văn Giao, Bùi Hiền (2001), *Từ điển giáo dục học*, Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 76, 105.
44. Chiến lược phát triển giáo dục 2001 – 2010 (Ban hành kèm theo Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001) của Thủ tướng Chính Phủ.
45. Lê Đình Tiến và Trần Chí Đức (chủ biên) (2001), *Liên kết giữa nghiên cứu và triển khai với đào tạo sau đại học ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, tr. 346.
46. Trần Quốc Toàn (2004), “Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam”, *Đổi mới giáo dục đại học và hội nhập quốc tế*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, tr. 15.
47. Trần Văn Tùng, Lê ái Lâm (1996), *Phát triển nguồn nhân lực: Kinh nghiệm thế giới và thực tiễn nước ta*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, phần phụ lục.
48. Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, quyển 1, Nhà xuất bản: Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, Hà Nội, tr. 735.
49. Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục (2002), *Chiến lược phát triển giáo dục: kinh nghiệm của các quốc gia*, Nhà xuất bản chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 488.

50. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Từ điển Tiếng Việt phổ thông*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 259, 349.
51. Nguyễn Cửu Việt (2000), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
52. Vụ công tác lập pháp (2005), *Những nội dung mới của Luật Giáo dục năm 2005*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, tr. 126.
53. Phạm Viết Vượng (chủ biên) (2003), *Giáo trình quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo*, Nhà xuất bản đại học Sư phạm, Hà Nội, tr. 40, 41, 64.